

**BẢNG ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 1 NĂM 2020**

1. Điều kiện chung

Tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu theo từng tổ hợp phải ≥ 5.0 điểm

2. Theo phương thức xét tuyển kết quả học THPT + thi tuyển năng khiếu

Các thí sinh đạt cả 2 điều kiện sau:

Một là: Điểm TB môn văn hoá cả năm lớp 12 (theo tổ hợp xét tuyển) phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, cụ thể:

Học sinh phổ thông				Vận động viên ưu tiên (Kiện tướng, cấp 1 hoặc tương đương)	
Ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao		Ngành Quản lý TDTT và Y sinh học TDTT		Cả 4 ngành	
Xếp loại học lực lớp 12	Điểm năng khiếu	Xếp loại học lực lớp 12	Điểm năng khiếu	Xếp loại học lực lớp 12	
Từ Khá trở lên	$\geq 5,0$	Từ Trung bình trở lên	$\geq 5,0$	Từ Trung bình trở lên	
Trung bình	$\geq 9,0$				

Hai là: Bảng điểm chuẩn trúng tuyển các ngành thỏa mãn các điều kiện như sau:

a) Ngành Giáo dục thể chất Và Huấn luyện thể thao

Khu vực Đối tượng	KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Không ưu tiên	18.0	17.75	17.50	17.25
Ưu tiên 2	17.0	16.75	16.50	16.25
Ưu tiên 1	16.0	15.75	15.50	15.25

b) Ngành: Quản lý TĐTT, Y sinh học TĐTT

Khu vực Đối tượng	KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Không ưu tiên	<i>15.0</i>	<i>14.75</i>	<i>14.50</i>	<i>14.25</i>
Ưu tiên 2	<i>14.0</i>	<i>13.75</i>	<i>13.50</i>	<i>13.25</i>
Ưu tiên 1	<i>13.0</i>	<i>12.75</i>	<i>12.50</i>	<i>12.25</i>

3. Theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT + thi tuyển năng khiếu

a. Ngành: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao

Khu vực Đối tượng	KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Không ưu tiên	<i>18.0</i>	<i>17.75</i>	<i>17.50</i>	<i>17.25</i>
Ưu tiên 2	<i>17.0</i>	<i>16.75</i>	<i>16.50</i>	<i>16.25</i>
Ưu tiên 1	<i>16.0</i>	<i>15.75</i>	<i>15.50</i>	<i>15.25</i>

b. Ngành: Quản lý TĐTT, Y sinh học TĐTT

Khu vực Đối tượng	KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Không ưu tiên	<i>15.0</i>	<i>14.75</i>	<i>14.50</i>	<i>14.25</i>
Ưu tiên 2	<i>14.0</i>	<i>13.75</i>	<i>13.50</i>	<i>13.25</i>
Ưu tiên 1	<i>13.0</i>	<i>12.75</i>	<i>12.50</i>	<i>12.25</i>